

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hữu Thắng.
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2025/TLST-DS ngày 13/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

* *Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Lê Kim N. Địa chỉ: Số B, đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2025) (có mặt).

– *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng C, sinh năm 1988 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Mai Y, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Kim N trình bày: Ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y có vay vốn của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600 ngày 22/6/2022, số tiền vay: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 21/6/2032. Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 7%/năm, tháng thứ 13 áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Khách hàng bị chuyển sang áp dụng lãi suất cho

vay thông thường, với mức lãi suất điều chỉnh là 10%/năm kể từ thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Mua đất ở.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thực hiện giải ngân cho ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y. Theo Phụ lục Hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ đề ngày 22/6/2022, ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y phải thực hiện định kỳ trả nợ gốc và lãi 06 tháng/lần; trong đó phân kỳ trả nợ gốc với số tiền là 70.000.000 đồng/kỳ trả trong 20 kỳ, kỳ trả cuối cùng ngày 21/6/2032. Tuy nhiên, đến nay ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi tiền vay theo thỏa thuận; vi phạm thanh toán phân kỳ trả nợ gốc tại kỳ ngày 30/12/2022; 30/6/2023; 30/12/2023; 30/6/2024; 30/12/2024, số tiền nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được được chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 21/5/2025 còn nợ Ngân hàng tổng cộng 1.832.801.370 đồng, (trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 408.493.151 đồng, lãi quá hạn là 24.308.219 đồng).

Khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 52/HĐTC ngày 21/6/2022 đã ký giữa Ngân hàng và ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DC 953143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/5/2022, số vào sổ CS04504, cấp cho ông Nguyễn Quốc C, đến ngày 13/6/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận chuyển nhượng cho ông Đặng Hoàng C. Thửa đất số 304, tờ bản đồ số: 19. Diện tích: 410,3m² (trong đó: đất ở tại đô thị 245m²; đất trồng cây lâu năm 165,3m²). Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043. Địa chỉ Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600 ký ngày 22/6/2022 thì khách hàng phải có nghĩa vụ “Hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đầy đủ đúng thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng này” (tại điểm c khoản 2 Điều 7), do đó, Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng khi khách hàng đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà không có biện pháp khắc phục khả thi (tại điểm b khoản 1 điều 6) và khoản vay của khách hàng bị chuyển sang áp dụng lãi suất cho vay thông thường kể từ thời điểm giải ngân là 10%/năm (tại điểm b khoản 7 Điều 9). Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp làm việc đề đôn đốc và gửi thông báo đề nghị khách hàng thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan nếu bên vay vi phạm các cam kết thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thu hồi khoản

nợ vay, bao gồm thu hồi nợ trước hạn, do đó để đảm bảo thu hồi các khoản nợ, Ngân hàng tiến hành khởi kiện ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600 ngày 22/6/2022 cho Ngân hàng N với số tiền nợ tính đến ngày 21/5/2025 tổng cộng 1.832.801.370 đồng, (trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 408.493.151 đồng, lãi quá hạn là 24.308.219 đồng). Đồng thời buộc ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, đề nghị cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y đối với Ngân hàng.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y, nhưng ông C và bà Y không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 22/6/2022 ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600, để vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 21/6/2032. Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 7%/năm, tháng thứ 13 áp dụng lãi suất theo quy định của Ngân hàng, chuyển sang áp dụng lãi suất cho vay thông thường với mức lãi suất điều chỉnh là 10%/năm kể từ thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay là mua đất ở.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận, tính đến ngày 21/5/2025 còn nợ Ngân hàng tổng cộng 1.832.801.370 đồng, (trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 408.493.151 đồng, lãi quá hạn là 24.308.219 đồng).

[4] Xét thấy, việc ông C và bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Ông C và bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C và bà Y có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng ông C và bà Y không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600 ngày 22/6/2022, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 22/6/2022 và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông C và bà Y có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông C và bà Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 21/5/2025 tổng cộng 1.832.801.370 đồng, (trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 408.493.151 đồng, lãi quá hạn là 24.308.219 đồng) là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 22/5/2025, nếu ông C và bà Y không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông C và bà Y còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[5] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông C và bà Y có thể chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DC 953143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/5/2022, số vào sổ CS04504, cấp cho ông Nguyễn Quốc C, đến ngày 13/6/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận chuyển nhượng cho ông Đặng Hoàng C. Thửa đất số 304, tờ bản đồ số: 19. Diện tích: 410,3m² (trong đó: đất ở tại đô thị 245m²; đất trồng cây lâu năm 165,3m²). Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043. Địa chỉ Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 52/HĐTC ngày 21/6/2022 đã ký giữa Ngân hàng và

ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

[6] Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông C và bà Y không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông C, bà Y phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 950.000 đồng, ông Cung và bà Yến phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước ông C và bà Y phải trả lại cho Ngân hàng 950.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông C và bà Y phải chịu 66.984.041 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7600LAV202200600 ngày 22/6/2022 tổng cộng 1.832.801.370 đồng, (trong đó nợ gốc 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 408.493.151 đồng, lãi quá hạn là 24.308.219 đồng).

Kể từ ngày 22/5/2025 ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện trả thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng N thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 52/HĐTC ngày 21/6/2022 đã ký giữa Ngân hàng và ông Đặng Hoàng C, bà Nguyễn Thị Mai Y. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 304, tờ bản đồ số 19. Diện tích 410,3m² (trong đó đất ở tại đô thị 245m²; đất trồng cây lâu năm 165,3m²). Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043, tọa lạc tại Khóm 6, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số DC 953143 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/5/2022, số vào sổ CS04504, cấp cho ông Nguyễn Quốc C, đến ngày 13/6/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận chuyển nhượng cho ông Đặng Hoàng C.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y phải chịu chi phí thẩm định là 950.000 đồng. Do Ngân hàng N đã tạm nộp trước, nên ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N số tiền 950.000 đồng.

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Hoàng C và bà Nguyễn Thị Mai Y cùng phải chịu 66.984.041 đồng án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.579.384 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008848, ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh